**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ**

**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN THUỘC**

**PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1142 /QĐ-UBND ngày 22 /5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC MỚI BAN HÀNH CẤP XÃ (02 TTHC)**

| **STT** | **Tên TTHC** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo | 07 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ. | **Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thực hiện và trả kết quả:** tại cơ sở giáo dục | - Tiếp nhận và trả kết quả trực tuyến hoặc trực tiếp tại cơ sở giáo dục học sinh bán trú, học viên bán trú đang theo học;  - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;  - Không thực hiện tại Bộ phận Một cửa. | Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách. |
| 2 | Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo | 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ. |

**II. DANH MỤC THỦ TỤC BỊ BÃI BỎ (03 TTHC)**

**1. Danh mục thủ tục cấp tỉnh (02 TTHC)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Số thứ tự tại Quyết định công bố**  **của Chủ tịch UBND tỉnh** | **Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ**  **thủ tục hành chính** |
| 01 | 1.004435.000.00.00.H37 | Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh. | Số thứ tự 02 mục I phần A phụ lục I kèm theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện tỉnh Lạng Sơn | Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách. |
| 02 | 1.004436.000.00.00.H37 | Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số | Số thứ tự 03 mục I phần A phụ lục I kèm theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện tỉnh Lạng Sơn |

**2. Danh mục thủ tục cấp huyện (01 TTHC)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Số thứ tự tại Quyết định công bố**  **của Chủ tịch UBND tỉnh** | **Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ**  **thủ tục hành chính** |
| 01 | 1.004435.000.00.00.H37 | Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn | Số thứ tự 01 phần B phụ lục I kèm theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện tỉnh Lạng Sơn | Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách. |